

Bản án số: 628/2023/HC-PT
Ngày 02 - 8 - 2023
V/v Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An;

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 46/2023/TLPT-HC ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 119/2022/HC-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1079/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Đàm Xuân Th, sinh năm 1962. (có mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Mai Hồng H - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Mai Hồng H. (có mặt)

Địa chỉ: ấp R1, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Đào Xuân Nh – Phó Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường Quốc lộ 80, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: người khởi kiện là ông Đàm Xuân Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Đàm Xuân Th trình bày:

Năm 1992 ông Đàm Xuân Th nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Q diện tích đất 57.076,62m² tại ấp K, xã S, huyện H, giá 03 lượng vàng 24K. Tại thời điểm đó ông Th đang làm việc tại Công an huyện H. Do nghe thông tin Trung ương có chỉ thị cấm Đảng viên không được làm kinh tế, do sợ bị kiểm điểm nên ông Th nhờ bà Trần Thị B (mẹ nuôi ông Th) đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng. Sự việc này giữa ông Th và bà B có làm văn bản xác nhận.

Năm 1997 thì xảy ra việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Vũ Đình S, bà Lê Thị Ch và bà Trần Thị B đối với diện tích đất ông Th nhận chuyển nhượng. Vụ việc đã được Chủ tịch UBND huyện H, Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang giải quyết. Ngày 28/3/2011 UBND huyện H ra Quyết định số 1371/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất tranh chấp giữa vợ chồng ông S với bà Trần Thị B. Cũng trong năm 2011, UBND xã S, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra huyện H đã lập thủ tục giao cho ông S diện tích đất 20.011m² và ông Nguyễn Văn X (con ruột bà Trần Thị B) diện tích đất 9.089m².

Ông Th cho rằng diện tích đất các cơ quan nêu trên giao cho ông S, ông X 29.089,39m² có nguồn gốc là của ông Th. Ông đã bỏ nhiều tiền bạc, công sức để cải tạo đất nhưng không được chính quyền công nhận. Trong khi ông S, ông X không liên quan gì đến diện tích đất nêu trên thì lại được giao đất.

Năm 2012, ông Th làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện H. Ngày 12/11/2021, Chủ tịch UBND huyện H ra Quyết định số 9813/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Th. Tại Quyết định này Chủ tịch UBND huyện H không thừa nhận nội dung khiếu nại của ông Đàm Xuân Th về việc cơ quan Thanh tra huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H đo đất giao cho ông Vũ Đình S và ông Nguyễn Văn X.

Quyết định nêu trên còn viển vông và căn cứ quyết định giải quyết khiếu nại số 2171/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang và Công văn số 75/UBND-NCPC của UBND tỉnh Kiên Giang để làm căn cứ giải quyết. Tuy nhiên ông Th cho rằng việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện H đối với đơn của ông tại Quyết định số 9813/QĐ-UBND là không phù hợp.

Bởi lẽ ông S và ông X là người không có liên quan đến diện tích đất tranh chấp. Tại thời điểm năm 2011 ông S, ông X đều đã được cấp 03 ha đất ở nơi khác nên hai ông không đủ điều kiện để được giao đất. Ngoài ra, không có việc người đi chiếm đất lại được nhà nước giao lại phần đất bao chiếm. Ngay khi giao đất ông S và ông X đã chuyển nhượng cho người khác để thu lợi bất chính. Vì vậy ông Th yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy Quyết định 9813/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc giải quyết khiếu nại.

Quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án ngày 28/6/2022 Chủ tịch UBND

huyện H ra quyết định số 2945/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 9813/QĐ-UBND ngày 12/11/2021. Nội dung quyết định này vẫn giữ quan điểm bác đơn khiếu nại của ông Đàm Xuân Th. Ông Th yêu cầu Tòa án xem xét hủy cả 02 Quyết định số 9813/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 và Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

Tại văn bản số 114/UBND-TTr ngày 23/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ kiện Chủ tịch UBND huyện H và người đại diện trình bày:

Năm 2021, Chủ tịch UBND huyện H thụ lý giải quyết đơn của ông Đàm Xuân Th khiếu nại cơ quan Thanh tra huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đo đất giao cho ông Vũ Đình S diện tích đất 20.011m² và ông Nguyễn Văn X diện tích 9.089m² tại ấp K, xã S, huyện H trái pháp luật làm ảnh hưởng quyền và lợi ích của ông Đàm Xuân Th.

Về nguồn gốc diện tích đất 29.089,39m² tại ấp K, xã S, huyện H. Năm 2001 bà Trần Thị B (mẹ nuôi ông Đàm Xuân Th) xảy ra tranh chấp diện tích đất nêu trên với vợ chồng bà Lê Thị Ch, ông Vũ Đình S. Ngày 03/9/2002 bà Trần Thị B làm giấy ủy quyền cho ông Đàm Xuân Th gửi đơn tranh chấp đất tại UBND huyện H. Vụ việc chưa được giải quyết xong thì bà B chết. Ông Nguyễn Văn X con ruột bà B tiếp tục ủy quyền cho ông Th đại diện ông X để giải quyết việc tranh chấp với vợ chồng bà Ch, ông S.

Ngày 10/9/2009, Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 2171/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2, nội dung không thừa nhận việc tranh chấp quyền sử dụng đất của ông S, ông X (có người đại diện là ông Đàm Xuân Th) giao cho UBND huyện H ra quyết định thu hồi diện tích đất 29.089,39m² giao cho UBND xã S quản lý.

Quyết định trên của UBND tỉnh được triển khai cho các bên khiếu nại. Ông S và ông Th không đồng ý nên tiếp tục làm đơn khiếu nại đến UBND tỉnh Kiên Giang. Ngày 28/01/2011, Chủ tịch UBND tỉnh ra Công văn số 75/UBND-NCPC trả lời đơn khiếu nại của ông S, ông Th nội dung: Khẳng định quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 10/9/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang là đúng, không thừa nhận việc khiếu nại của ông S, ông Th; đồng thời giao cho UBND huyện xem xét điều kiện của ông S, ông X để giải quyết giao cấp lại đất theo qui định của pháp luật đất đai.

Ngày 28/3/2011 UBND huyện H ra Quyết định số 1371/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 29.089,39m² giao cho UBND xã S quản lý.

Kể từ thời điểm này đã chấm dứt quyền quản lý, sử dụng của ông Vũ Đình S và ông Nguyễn Văn X.

Trong năm 2011 ông S và ông X có đơn xin giao đất. Ngày 17/5/2011, UBND xã S họp xét thống nhất đề nghị UBND huyện H giao cấp đất cho gia đình ông S diện tích 20.011m², ông X diện tích 9.089m². Trong tổng diện tích 29.089,39m² theo Quyết định thu hồi số 1371/QĐ-UBND ngày 28/3/2011.

Để có cơ sở xem xét đề nghị của UBND xã S, UBND huyện H giao Phòng

Tài nguyên và Môi trường huyện kết hợp Thanh tra huyện đo đạc, kiểm tra đất của nhà nước quản lý là thi hành công vụ, không liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th.

Tuy nhiên, do Quyết định số 9813/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện H có một số nội dung chưa phù hợp nên Chủ tịch UBND huyện H đã ra Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 thay thế nhưng về cơ bản không làm thay đổi nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại đối với đơn của ông Đàm Xuân Th.

Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Th.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 119/2022/HC-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định như sau:

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Xuân Th về việc hủy Quyết định số 9813/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 và Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Đàm Xuân Th.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/8/2022, người khởi kiện là ông Đàm Xuân Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đàm Xuân Th và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Th đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

-Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Th là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của ông Đàm Xuân Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Đàm Xuân Th làm trong hạn luật định, là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

[2] Về nội dung:

Năm 2001, bà Trần Thị B (mẹ nuôi ông Đàm Xuân Th) xảy ra tranh chấp diện tích đất 29.089,39m² tại ấp K, xã S, huyện H với vợ chồng bà Lê Thị Ch, ông Vũ Đình S. Ngày 03/9/2002, bà Trần Thị B làm văn bản ủy quyền cho ông Đàm Xuân Th giải quyết tranh chấp đất tại UBND huyện H. Vụ việc chưa được giải quyết xong thì bà B chết. Ông Nguyễn Văn X con ruột bà B tiếp tục ủy quyền cho ông Th đại diện ông X để giải quyết việc tranh chấp với vợ chồng bà Ch, ông S. Ông Th trình bày thực tế diện tích đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông, còn bà Trần Thị B chỉ là người đứng tên giúp ông trong giao dịch chuyển nhượng.

Ngày 10/9/2009, Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 2171/QĐ- UBND giải quyết khiếu nại lần 2, nội dung không thừa nhận việc tranh chấp quyền sử dụng đất của ông S, ông X (có người đại diện là ông Đàm Xuân Th) giao cho UBND huyện H ra quyết định thu hồi diện tích đất 29.089,39m² giao cho UBND xã S quản lý.

Ngày 28/01/2011, Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Công văn số 75/UBND-NCPC trả lời đơn khiếu nại của ông S, ông Th nội dung: Khẳng định Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 10/9/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang là đúng, không thừa nhận việc khiếu nại của ông S, ông Th; đồng thời giao cho UBND huyện xem xét điều kiện của ông S, ông X để giải quyết giao cấp lại đất theo qui định của pháp luật đất đai. Ngày 28/3/2011, UBND huyện H ra Quyết định số 1371/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 29.089,39m² giao cho UBND xã S quản lý.

Việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà B với ông S đã được Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang giải quyết khiếu nại lần 2, không công nhận việc tranh chấp giữa các đương sự, cho rằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà B và ông Quang là trái pháp luật. Vì vậy, dù tại thời điểm năm 2009, ông Th được Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang thừa nhận là người chuyển nhượng đất chứ không phải bà B thì kết quả giải quyết vẫn không công nhận việc chuyển nhượng.

Trong năm 2011 ông S và ông X có đơn xin giao đất. Ngày 17/5/2011 UBND xã S họp đề nghị UBND huyện H giao cấp đất cho gia đình ông S, ông X một phần diện tích đất thuộc quyền quản lý của Nhà nước theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND nêu trên.

Ông Đàm Xuân Th khiếu nại hành vi của Thanh tra huyện H và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H đo đạc diện tích đất 29.089,39m² giao cho ông Vũ Đình S và ông Nguyễn Văn X do hành vi này xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th vì thực tế diện tích đất 29.089,39m² do ông chuyển nhượng và khai hoang từ năm 1992.

Tuy nhiên, tại Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 10/9/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang có hiệu lực pháp luật đã xác định diện tích đất liên quan đến yêu cầu của ông S thuộc quyền quản lý của Nhà nước, UBND huyện H giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện kết hợp Thanh tra huyện đo đạc, kiểm tra đất của nhà nước quản lý là thi hành công vụ, không liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th.

Do Quyết định số 9813/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện H có một số nội dung chưa phù hợp nên Chủ tịch UBND huyện H đã ra Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 thay thế nhưng về cơ bản không làm thay đổi nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại đối với đơn của ông Đàm Xuân Th.

Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND huyện H giải quyết không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Th tại Quyết định số 9813/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 và Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Xuân Th là có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đàm Xuân Th phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đàm Xuân Th. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 119/2022/HC-ST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1/. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Xuân Th về việc hủy Quyết định số 9813/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 và Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Đàm Xuân Th.

2/. Về án phí:

Ông Đàm Xuân Th phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006864 ngày 12/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang vào phần án phí phải chịu.

Ông Đàm Xuân Th phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001972

ngày 30/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang vào phần án phí phải chịu.

3/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- ĐS (2);
- Lưu VP(3), HS(2).12b.TVN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy